

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA NẾP VẢI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ LƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN

**Dương Thị Thu Hoài¹, Nguyễn Văn Tâm²,
Ngô Thị Hồng Liên³, Bùi Ngọc Sơn⁴**

Tóm tắt

Nghiên cứu tập trung vào nhóm đối tượng có trồng lúa nếp Vải trên địa bàn các xã của huyện Phú Lương là xã Hợp Thành, xã Ôn Lương và xã Phú Lý. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia 90 hộ và 20 cán bộ quản lý để thu thập số liệu, đồng thời kết hợp phân tích thống kê mô tả, phân tổ thống kê và phương pháp so sánh để làm rõ những mục tiêu nghiên cứu đề ra. Kết quả cho thấy, năm 2022 diện tích, năng suất và sản lượng của nếp Vải của huyện Phú Lương đạt 96,1 ha; 47,22 tạ/ha và 453,78 tấn, đến năm 2024, các chỉ tiêu này lần lượt tăng lên và đạt 121,3 ha; 50,00 tạ/ha; 606,50 tấn. Diện tích sản xuất lúa nếp Vải/hộ có sự khác nhau phân theo thành phần kinh tế. Chi phí vật tư cho 1 sào lúa nếp Vải là 1614.370 đồng, tương ứng với 46,67% tổng chi phí. Yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến sự phát triển bền vững của nếp Vải đó là thị trường tiêu thụ (97,78%) và quy mô đất sản xuất (95,56%), sau đó mới đến các nhân tố chính sách, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT), thị trường... Thị trường tiêu thụ gạo nếp Vải chủ yếu trên địa bàn tỉnh, gạo nếp Vải được tiêu thụ theo ba kênh chính, trong đó gạo nếp Vải được bán buôn cho các thương lái, đại lý, cửa hàng chiếm 81,05%. Giá trị sản xuất lúa nếp Vải đạt bình quân 4.019,40 nghìn đồng/sào. Giá trị GO/IC đạt trung bình là 6,64 lần. Giá trị VA/IC đạt 5,54 lần và giá trị MI/IC đạt 4,75 lần. Trong thời gian tới, địa phương cũng có giải pháp cụ thể phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm gạo nếp Vải, tăng cường công tác khuyến nông, thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, quy hoạch vùng sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất.

Từ khóa: Nếp Vải, lúa, phát triển, giải pháp, bền vững, Phú Lương.

DEVELOPING STICKY RICE PRODUCTION IN PHU LUONG DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

The study focuses on the group of households cultivating Vải sticky rice in the communes of Phú Lương district, specifically Hop Thanh, On Luong, and Phu Ly. The research employed a rapid rural appraisal method involving 90 households and 20 management officials to collect data, while also combining descriptive statistical analysis, statistical grouping, and comparative methods to clarify the research objectives. The results indicate that in 2022, the area, yield, productivity, and output of Vải sticky rice in Phú Lương district reached 96,1 hectares; 47,22 quintals/hectare; and 453,78 tons. By 2024, these indicators are projected to increase to 121,3 hectares; 50,00 quintals/hectare; and 606.50 tons. The area of Vải sticky rice production per household varies according to economic components. The material cost for 1 sao of Vải sticky rice is 1.614,370 VND, corresponding to 46,67% of the total cost. The factors that most significantly affect the sustainable development of Vải sticky rice are the consumption market (97,78%) and the scale of production land (95,56%), followed by policy factors, the transfer of scientific and technological advancements, and the market. The consumption market for Vải sticky rice mainly exists within the province, and Vải sticky rice is sold through three main channels, with wholesale sales to traders, agents, and stores accounting for 81,05%. The production value of Vải sticky rice averages 4.019,40 thousand VND per sao. The GO/IC value averages 6,64 times. The VA/IC value is 5,54 times, and the MI/IC value is 4,75 times. In the near future, the locality will also implement specific solutions to develop the consumption market for Vải sticky rice products, enhance agricultural extension work, implement policies to support production development, plan production areas, and invest in infrastructure to serve production.

Keywords: Vải rice, development, solutions, sustainability, Phu Luong.

JEL classification: O13, O4, Q, Q12, Q13.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một nước có truyền thống lâu đời và có nền văn minh lúa nước mà hiếm có quốc gia nào trên thế giới có được. Hiện nay, lúa gạo đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Cùng với sự đa dạng về văn hóa, tài nguyên khí hậu và tập quán canh tác, Việt Nam có sự đa dạng về cơ cấu giống cây trồng địa phương, đặc biệt là giống lúa địa phương cổ truyền. Cây lúa ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong sự phát triển của đất nước và việc sản xuất lúa gạo cho đến nay vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2021), sản lượng lúa cả nước năm 2020 đạt trên 43,86 triệu tấn, tăng 1,1 triệu tấn so với năm 2019. Mặc dù diện tích gieo trồng giảm khoảng 39.700 ha nhưng năng suất tăng gần 1,9 tạ/ha so với năm 2019 đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước, chế biến và xuất khẩu. Bên cạnh việc nâng cao sản lượng sản xuất lúa, để cây lúa tồn tại được, phát triển và đứng vững trên thương trường thì vấn đề phát triển sản xuất lúa bền vững phải được đặt lên hàng đầu.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, dưới tác động của cạnh tranh, ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam cần phải nhanh chóng đạt đến trình độ sản xuất cao, sử dụng hiệu quả thành tựu mới của khoa học kỹ thuật để tăng năng suất chất lượng, giảm giá thành. Vì lẽ đó, thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản luôn là phương châm chiến lược của nước ta trong sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, ứng dụng được những thành tựu mới nhất về sản xuất lương thực đã và đang được chính phủ quan tâm đầu tư.

Gạo nếp Vải là một loại đặc sản của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, có hương thơm, vị ngọt, đậm, chất gạo dẻo, đặc biệt ăn không bị ngán. Mỗi năm bà con tại huyện Phú Lương chỉ gieo cấy 1 vụ vào tháng 6 và thu hoạch tháng 10 âm lịch (Linh Lan, 2022). Vụ mùa năm 2022, người trồng lúa nếp vải Ôn Lương được UBND huyện Phú Lương hỗ trợ về giống, phân bón với tỷ lệ nhà nước hỗ trợ 60%, còn người dân đối ứng 40%. Trong quá trình canh tác, người dân được cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Phú Lương hướng dẫn tận tình về cách

chăm sóc, bón phân theo đúng quy trình. Cùng với đó, thời tiết năm nay rất ủng hộ, giúp cho vụ mùa của bà con được đánh giá là bội thu (Nguyễn Toán, 2022). Có nhiều nghiên cứu để phát triển về lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương như so sánh hiệu quả kinh tế của nếp Vải cao hơn nhiều so với giống lúa khác trên địa bàn (Chu Quế Hiền, 2014), Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo nếp Vải huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (Nguyễn Thị Thắng và Phạm Công Toàn, 2013), Nghiên cứu, phân tích tình hình thực tế sản xuất gạo Nếp vải tại địa phương, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp phát triển thương hiệu cho sản phẩm này ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu (Ngô Thị Hương Giang và cộng sự, 2014), Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân hạng thích nghi đất đai phục vụ quy hoạch diện tích đất trồng lúa nếp địa phương trên địa bàn xã Ôn Lương (Hoàng Thị Thu Hương và Nguyễn Đức Nhuận, 2016). Tuy nhiên hiện nay, ảnh hưởng của tập quán nên các nông hộ trồng lúa chú trọng số lượng hơn là chất lượng vì vậy chất lượng hạt lúa không đồng đều. Việc thu mua, vận chuyển và bảo quản sau thu hoạch yếu kém, gây hao hụt lớn và ảnh hưởng đến chất lượng hạt lúa, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hệ lụy là gạo thành phẩm khó tiếp cận được các thị trường khó tính. Hiện tượng đó làm giảm hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa nếp vải của các hộ gia đình ở Phú Lương (UBND huyện Phú Lương, 2021). Do đó, việc phân tích thực trạng sản xuất lúa nếp Vải, những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất lúa nếp Vải của các hộ gia đình là rất cần thiết, giúp các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và người sản xuất thấy được những bất cập trong phát triển sản xuất lúa nếp vải hiện nay, từ đó đề ra được các giải pháp nhằm hướng tới phát triển sản xuất lúa nếp vải hiệu quả, ổn định.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp chọn điểm và mẫu nghiên cứu

Phú Lương là huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên, là nơi có giống lúa nếp Vải truyền thống. Do điều kiện đất đai nên hiện nay lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương được trồng tại ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý. Vì vậy, tác giả đã chọn ba xã này để thu thập thông tin sơ cấp.

Mẫu được chọn để tiến hành điều tra là 90 hộ gia đình tại 03 xã. Từ kết quả thu thập được có thể

đưa ra đánh giá chung và khách quan hơn cho đề tài nghiên cứu. Chúng tôi cũng chọn phỏng vấn 20 cán bộ quản lý cấp huyện, xã về thực trạng và giải pháp phát triển sản xuất lúa nếp vải.

Mẫu được chọn để tiến hành điều tra là 90 hộ gia đình tại 03 xã theo 3 nhóm: (i) Nhóm kinh tế khá; (ii) Nhóm kinh tế trung bình; Nhóm hộ nghèo (iii). Căn cứ để phân nhóm kinh tế hộ dựa theo kết quả thảo luận nhóm với cán bộ địa phương. Số lượng hộ theo mỗi nhóm là 30 hộ (phân bố đều tại 3 xã). Dựa theo danh sách cán bộ địa phương cung cấp, tác giả lựa chọn ngẫu nhiên hộ điều tra. Theo kết quả thảo luận nhóm với cán bộ địa phương, thực tế phát triển lúa nếp vải có sự khác nhau giữa các hộ tùy thuộc điều kiện kinh tế của chủ hộ nên tác giả lựa chọn phân nhóm hộ điều tra theo điều kiện kinh tế để thấy rõ được sự khác nhau này.

Từ kết quả thu thập được có thể đưa ra đánh giá chung và khách quan hơn cho đề tài nghiên cứu. Chúng tôi cũng chọn phỏng vấn 20 cán bộ quản lý cấp huyện, xã về thực trạng và giải pháp phát triển sản xuất lúa nếp Vải.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Thông tin, số liệu qua các tài liệu đã được công bố qua sách báo, tạp chí internet. Số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội. Số liệu liên quan đến đề tài đã được công bố của các cơ quan thống kê các cấp, các phòng ban, báo cáo của UBND huyện Phú Lương từ 3 năm trở lại đây. Kết quả nghiên cứu của các đề tài có cùng nội dung;

Thông tin có liên quan về tình hình trồng lúa nếp vải qua những nguồn thông tin sau: Sách, báo, tạp chí, những sách đã xuất bản và những công trình nghiên cứu có liên quan của các nhà khoa học trên thế giới và tại Việt Nam.

Các tài liệu thu được sẽ cung cấp các thông tin hữu ích cho việc nghiên cứu và làm căn cứ khoa học cần thiết để lựa chọn hướng nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu và đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm đưa ra giải pháp phát triển mô hình trồng lúa nếp vải cho huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) trong quá trình khảo sát. Sử dụng những câu hỏi mở, thông qua

phương pháp này trực tiếp tiếp cận các hộ gia đình, các đối tượng có liên quan đến sản xuất, phát triển lúa nếp Vải để hiểu biết thực trạng những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất kinh doanh, những dự định trong tương lai của họ đối với sản xuất; từ đó có thêm những nhận xét, đánh giá về thực trạng sản xuất và dự định trong tương lai của người dân, phục vụ nghiên cứu và đưa ra các giải pháp, những định hướng phát triển sản xuất trong tương lai.

Phương pháp chuyên gia: thành lập nhóm chuyên gia có trình độ và sự hiểu biết về cây nếp vải trên địa bàn nghiên cứu là các cán bộ cấp huyện của Phú Lương. Tiến hành lấy ý kiến của các chuyên gia theo một số phương pháp như: phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp để nhận được ý kiến của chuyên gia, phương pháp đối chiếu sử dụng để đánh giá một số yếu tố liên quan đến vấn đề nghiên cứu đã được khẳng định trước.

2.3. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Các số liệu thu thập được mã hóa và xử lý trên máy vi tính bằng phần mềm EXCEL và sử dụng các phương pháp sau để phân tích:

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng việc mô tả số liệu thu thập được. Phương pháp này được sử dụng để phân tích các hộ, nhóm hộ sản xuất lúa nếp vải. Trên cơ sở số liệu điều tra, tổng hợp phân tích theo từng thời gian và không gian, sau đó tổng hợp khái quát để thấy được xu thế phát triển của hiện tượng, sự vật.

- *Phương pháp so sánh*: Là phương pháp được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Dùng để so sánh các yếu tố định lượng hoặc định tính, so sánh các chỉ số chỉ tiêu, các hiện tượng kinh tế, xã hội đã được lượng hoá có cùng nội dung, tính chất tương tự nhau để xác định mức độ biến động của các nội dung. Sử dụng phương pháp này để tiến hành lập bảng để xét mức độ biến động tăng hay giảm của các chỉ tiêu theo thời gian, dùng số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân chung để xem xét quá trình phát triển sản xuất lúa nếp vải tại huyện Phú Lương.

- *Phương pháp ma trận SWOT*: Sử dụng phân tích SWOT để phân tích mặt mạnh, mặt yếu, cơ hội và thách thức đối với các hộ sản xuất lúa nếp

vải, kết hợp mật mạnh với thách thức, mặt yếu với cơ hội để từ đó đưa ra giải pháp cụ thể.

Các chỉ tiêu về kết quả, hiệu quả kinh tế

GO (Tổng giá trị sản xuất): Là chỉ tiêu phản ánh giá trị toàn bộ sản phẩm của hoạt động sản xuất trong một thời kỳ nhất định (thường tính theo năm). Đối với các hộ sản xuất lúa nếp Vải là toàn bộ giá trị sản phẩm (chính + phụ) thu được trong một năm (triệu đồng/ha): $GO = VA + IC$.

IC (chi phí chung gian): là toàn bộ các chi phí vật chất, $IC = GO - VA$ Trong sản xuất chè, đây là tổng đầu vào nguyên vật liệu như lân, đạm, kali, phân chuồng, thuốc BVTV, ... không tính công lao động.

VA (giá trị gia tăng): là giá trị sản phẩm dịch vụ tạo ra trong một năm sau khi đã trừ đi chi phí trung gian: $VA = GO - IC$.

FC (chi phí cố định): là những khoản chi phí không thay đổi về tổng số, cho dù có sự thay đổi về hoạt động sản xuất kinh doanh trong một quy mô sản xuất nhất định.

VC (chi phí biến đổi): là những khoản chi phí thay đổi phụ thuộc và sự thay đổi của sản phẩm.

TC (tổng chi phí sản xuất): là toàn bộ chi phí cố định và biến đổi đầu tư trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm.

MI (thu nhập hỗn hợp): là một phần của (VA) sau khi đã trừ đi khấu hao tài sản cố định, thuế và lao động đi thuê (nếu có). Như vậy, thu nhập hỗn hợp gồm cả công lao động gia đình; $MI = VA - (A + T + \text{lao động đi thuê})$.

Trong đó: A là khấu hao giá trị TSCĐ; T là các khoản thuế phải nộp.

Tỷ suất giá trị sản xuất theo chi phí trung gian TGO là tỷ số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung

gian: $TGO = GO/IC$, để biết được hiệu quả của một đồng chi phí trung gian tạo được bao nhiêu đồng giá trị sản xuất.

Tỷ suất thu nhập hỗn hợp theo chi phí trung gian TMI là tỷ số giữa thu nhập hỗn hợp với chi phí trung gian: $TMI = MI/IC$, để biết khi bỏ ra một đồng chi phí trung gian thì người chủ vườn sẽ có thêm bao nhiêu đồng.

Tỷ suất giá trị gia tăng theo giá trị sản xuất TVA là tỷ số giữa giá trị gia tăng với giá trị SX: $TVA = VA/GO$, để biết được cứ một đồng giá trị SX thì có bao nhiêu đồng là công lao động.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Lương tương đối lớn, đây là thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa nói chung, sản xuất lúa nếp Vải nói riêng. Tuy nhiên, đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Lương vẫn chưa được tận dụng tối đa, diện tích gieo cấy còn manh mún. Vì vậy, việc phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn của huyện cần phải đẩy nhanh việc dồn điền đổi thửa để có diện tích đất tập trung, từ đó để tìm hướng phát triển cho các loại cây và con, đặc biệt là phát triển sản xuất lúa nếp Vải theo hướng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong thời gian qua, đất nông nghiệp có xu hướng giảm đặc biệt là đất lúa và cây ăn quả, nhưng diện tích đất trồng nếp vải lại tăng lên. Xu hướng đất lâm nghiệp vẫn giữ nguyên, còn đất nuôi thủy sản có thể sẽ tăng lên do diện tích đất chưa sử dụng có khả năng sử dụng vào mục đích trồng mới còn rất phong phú.

Bảng 1: Tình hình sử dụng đất nông nghiệp của huyện Phú Lương, giai đoạn 2022 - 2024

Loại đất	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh (%)	
				2023/ 2022	2024/2023
1. Đất cấy lúa	6.060	5.938	5.794	97,9	97,5
<i>Đất cấy lúa nếp Vải</i>	<i>96,1</i>	<i>114,2</i>	<i>121,3</i>	<i>118,83</i>	<i>106,22</i>
2. Đất trồng chè	4.053	4.090	4.025	101	98,4
3. Đất trồng cây ăn quả	1.408	1.123	880	79,7	78,3
4. Đất lâm nghiệp	16754,5	16754,5	16754,5	100	100
5. Đất nuôi trồng thủy sản	665	660	671	99,2	101,6

Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Phú Lương, 2024

Do tính đặc thù nên diện tích đất dành cho sản xuất lúa nếp Vải còn rất khiêm tốn và chỉ tập trung ở ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý. Năm 2024, diện tích canh tác lúa nếp Vải chỉ chiếm 2,09 % diện tích trồng lúa của cả huyện.

Lúa nếp Vải là giống lúa truyền thống của huyện Phú Lương. Mặc dù giống lúa đã được bà

con nhân dân trồng lâu đời nhưng do sự phù hợp, thích nghi về điều kiện tự nhiên nên hiện nay giống lúa nếp Vải được trồng tại ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý. Diện tích lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2: Diện tích lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, giai đoạn 2022 - 2024

STT	Địa điểm	Năm 2022 (ha)	Năm 2023 (ha)	Năm 2024 (ha)	Tốc độ phát triển %	
					2023/2022	2024/2023
1	Hợp Thành	50,4	60,7	63,8	120,44	105,11
2	Ôn Lương	20,5	19,4	21,3	94,63	109,79
3	Phú Lý	25,2	34,1	36,2	135,32	106,16
4	Tổng	96,1	114,2	121,3	118,83	106,22

Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Phú Lương, 2024

Bảng 2 cho thấy, giai đoạn 2022 - 2024, diện tích lúa nếp Vải trên địa bàn huyện liên tục tăng, điều này cho thấy nhu cầu thị trường về gạo nếp Vải chất lượng cao là rất lớn. Nếu năm 2022, diện tích lúa nếp Vải trên địa bàn huyện chỉ đạt 96,1 ha, thì đến năm 2024, diện tích lúa nếp Vải đã đạt 121,3 ha. Trên địa bàn huyện Phú Lương, diện tích cấy lúa nếp Vải tập trung nhiều nhất tại xã Hợp Thành với 50,4 ha (năm 2022) và 63,8 ha

năm 2024 (chiếm 52,60%) diện tích lúa nếp Vải của cả huyện. Bên cạnh xã Hợp Thành, lúa nếp Vải được trồng nhiều tại xã Phú Lý với diện tích năm 2024 đạt 36,2 ha (chiếm 29,84%) diện tích lúa nếp Vải của cả huyện.

Năng suất và sản lượng là những chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất lúa, năng suất và sản lượng lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương giai đoạn 2022-2024 được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3: Năng suất và sản lượng lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương giai đoạn 2022 - 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	2024	So sánh %	
					2023/2022	2024/2022
Năng suất	tạ/ha	47,22	48,61	50,00	102,90	102,80
Sản lượng	tấn	453,78	555,13	606,50	122,33	109,25

Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Phú Lương, 2024

Qua bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn 2022 - 2024, năng suất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương liên tục tăng từ 47,22 tạ/ha (năm 2022) tăng lên 48,61 tạ/ha (năm 2023) và đạt 50,00 tạ/ha (năm 2024). Lúa nếp Vải là giống lúa truyền thống nên năng suất thường thấp hơn so với các giống lúa lai mới. Tuy nhiên việc bà con luôn tăng cường đầu tư nguyên liệu đầu vào (phân bón) và tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đã giúp năng suất lúa nếp Vải luôn tăng qua các năm.

Sản lượng lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương liên tục tăng trong giai đoạn 2022-2024, năm 2022 sản lượng lúa nếp vải đạt 453,78 tấn,

đến năm 2024 sản lượng toàn huyện đạt 606,50 tấn. Sản lượng lúa nếp vải trên địa bàn huyện tăng do việc mở rộng diện tích trồng lúa nếp vải và năng suất lúa nếp vải tăng qua các năm.

Tình hình sử dụng phân bón cho lúa nếp vải tại các hộ

Lúa nếp Vải là giống lúa chất lượng cao, vì vậy việc sử dụng phân bón đúng liều lượng, đúng chủng loại có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của gạo nếp Vải. Kết quả khảo sát tại 90 hộ sản xuất lúa nếp Vải cho thấy các hộ đã sử dụng phối kết hợp nhiều loại phân để nâng cao năng suất, chất lượng lúa nếp Vải.

Bảng 4: Tình hình sử dụng phân bón trong sản xuất lúa nếp Vải (n = 90)

STT	Diễn giải	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Sử dụng phân chuồng hoai mục	19	21,11
2	Sử dụng phân chuồng tươi	72	80,00
3	Sử dụng bón hóa học	90	100,00
4	Sử dụng phân vi sinh	43	47,78

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2024

Bảng 4 cho thấy các hộ sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn nghiên cứu đã sử dụng phân chuồng trong sản xuất lúa nếp Vải. Trong số 90 hộ sản xuất lúa nếp Vải được điều tra trên địa bàn ba xã, có 19 hộ (chiếm 21,11%) sử dụng phân chuồng hoai mục, 72 hộ (80,0%) sử dụng phân chuồng tươi trong sản xuất lúa. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy người dân đã hiểu được tầm quan trọng của phân hữu cơ đối với canh tác lúa nếp Vải, tuy nhiên, do tập quán lâu đời cũng như bận rộn của gia đình nên đa số các hộ không xử lý, ủ phân chuồng trước khi sử dụng, điều đó gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người nông dân.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy 100% số hộ được hỏi đều sử dụng phân bón hóa học (đạm lân, kali) trong canh tác lúa nếp Vải. Tuy nhiên, người trồng lúa hầu như không quan tâm nhiều đến những khuyến cáo về quy cách bón phân hoá học, thể hiện ở chỗ các hộ đã sử dụng một cách lạm dụng phân hoá học vào sản xuất lúa nếp Vải. Đây là vấn đề cần được các cơ quan chuyên môn, chính

quyền địa phương khuyến cáo để người nông dân nhận thức được đúng đắn vai trò cũng như tác hại của phân bón hóa học.

Đại bộ phận người dân đã ý thức được vấn đề sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa nếp Vải, tuy nhiên do sự tiện lợi, hiệu quả trừ sâu bệnh cao nên một số hộ gia đình vẫn không quan tâm đến liều lượng phun, chủng loại thuốc, thời gian phun thuốc. Trong giai đoạn 2018 - 2020, các đơn vị đã tổ chức nhiều lớp học phòng trừ sâu bệnh theo phương pháp IPM, tuy vậy qua khảo sát thực tế thì số hộ sử dụng phương pháp này trong sản xuất còn rất ít, hầu hết các hộ sản xuất lúa nếp Vải chưa nắm rõ được quy trình sản xuất lúa an toàn, hoặc có thì cũng không muốn áp dụng, bởi áp dụng theo quy trình sản xuất đòi hỏi người nông dân phải theo dõi sát sao tỉ mỉ, tốn nhiều công lao động, chi phí cho sản xuất tăng... Nếu sản xuất theo quy trình thì người nông dân sẽ không có lợi như khi sản xuất thông thường.

Diện tích đất trồng lúa nếp Vải tại các hộ điều tra

Bảng 5: Diện tích đất trồng lúa nếp Vải tại các hộ điều tra

STT	Phân loại hộ điều tra	Tổng diện tích canh tác lúa (ha/hộ)	Diện tích lúa nếp Vải (ha/hộ)	Năng suất lúa nếp Vải (tạ/ha)	Sản lượng lúa nếp Vải (tạ)
1	Khá	0,82	0,6	50,11	30,07
2	Trung bình	0,71	0,38	49,61	18,85
3	Nghèo	0,56	0,22	49,22	10,83

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2024

Qua bảng 5 ta thấy, diện tích canh tác lúa nói chung, lúa nếp Vải nói riêng có sự khác nhau giữa các hộ thuộc thành phần kinh tế khác nhau. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do các hộ khó khăn trên địa bàn có hiện tượng bán đất nông nghiệp cho các hộ khác ở địa phương. Trong những năm gần đây, sản xuất lúa nếp Vải theo hướng hàng hóa bắt đầu phát triển nên nhiều hộ cũng thuê đất, mua đất của các hộ khác để sản xuất lúa nếp Vải. Diện tích đất cấy lúa của các hộ kinh tế khá là 0,82 ha hộ,

diện tích này đối với các hộ kinh tế trung bình, nghèo lần lượt là 0,71 và 0,56 ha/hộ.

Bảng 5 cũng cho thấy: diện tích đất sản xuất lúa nếp Vải của các hộ gia đình có sự khác nhau theo thành phần kinh tế hộ và diện tích lúa nếp Vải có sự tương quan với tổng diện tích sản xuất lúa của các hộ gia đình. Nhìn chung, các hộ đều không sản xuất lúa nếp Vải toàn bộ diện tích đất trồng lúa của mình, các hộ gia đình đều dành một phần diện tích đất trồng lúa để trồng các loại lúa tẻ để phục vụ nhu cầu sử dụng của gia đình. Diện tích trồng

lúa nếp Vải của các hộ kinh tế khá đạt 0,60 ha/hộ. Diện tích này đối với các hộ kinh tế trung bình, nghèo lần lượt là 0,38 và 0,22 ha/hộ. Điều này cho thấy thời gian vừa qua, lúa nếp Vải chưa được người dân trên địa bàn 3 xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý trồng nhiều và trong thời gian tới lúa nếp Vải là cây có khả năng sẽ tăng thêm diện tích.

Tình hình sâu bệnh hại đối với lúa nếp Vải

Bảng 6: Sâu bệnh chính hại lúa nếp Vải

TT	Sâu bệnh	Cách phòng trừ
1	Sâu đục thân hai chấm	Sử dụng một trong các loại thuốc sau: Virtako 40WG, Alocbale 40EC, Regent 800WG, Enasin 32WP... Nồng độ và liều lượng theo hướng dẫn ghi trên vỏ bao bì thuốc.
2	Rầy các loại	Sử dụng các loại thuốc sau: Actara 25WG, Superista 25EC, Winter 625EC, Penalty Gold 50EC...
3	Bệnh khô vằn ...	Sử dụng các loại thuốc đặc hiệu như Anvil 5EC, Famertil 300EC, Tinix 250EC
4	Chuột hại	Do giống chín muộn nên thường bị chuột hại nặng thời kỳ trước thu hoạch. Để phòng trừ kết hợp các biện pháp thủ công bằng bẫy bán nguyệt và đánh bả sinh học trong suốt thời gian sinh trưởng.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2024

Lúa nếp Vải là giống lúa chín muộn, thời gian sinh trưởng kéo dài nên nhìn chung lúa nếp Vải bị nhiều sâu bệnh, vì vậy nếu không làm tốt công tác phòng, trừ bệnh trên lúa nếp Vải có thể gây mất mùa hoặc ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng. Trên địa bàn huyện Phú Lương, sâu đục thân 2 chấm, các loại rầy, bệnh khô vằn, chuột hại là những loại sâu bệnh hại chính trên cây lúa nếp Vải. Các hộ cho biết, hiện nay có nhiều loại thuốc trên thị trường để phòng, trừ tuy nhiên khi cây đã bị bệnh sẽ ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nên quan trọng là cần phòng sâu, bệnh từ trước.

Tiêu thụ lúa nếp Vải của các hộ điều tra

Trong sản xuất hàng hóa, càng nhiều hình thức tiêu thụ thì càng kích thích được sản xuất.

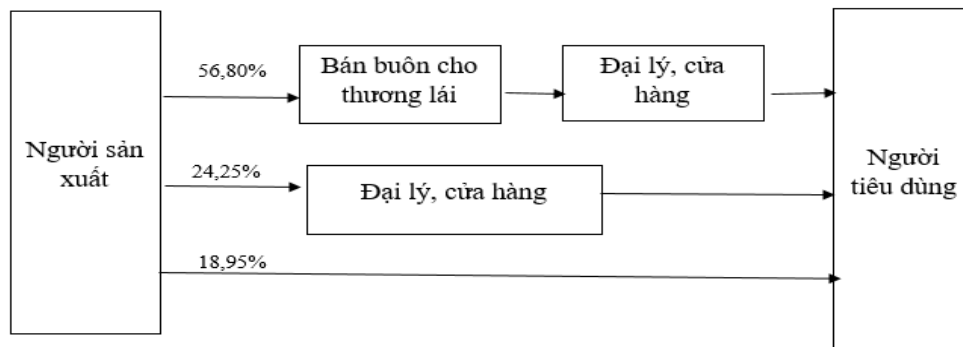
Để lúa nếp Vải có năng suất cao, chất lượng tốt không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố như giống, điều kiện ngoại cảnh (đất đai, thời tiết khí hậu), kỹ thuật canh tác mà nó còn chịu tác động rất lớn bởi tình hình sâu bệnh hại. Để sản xuất lúa nếp Vải, mang lại hiệu quả kinh tế cao thì việc đánh giá đúng thực trạng và khắc phục được sâu bệnh là nội dung không thể thiếu được.

Bởi lẽ khi nguồn tiêu thụ sản phẩm phong phú sẽ tạo ra sự cạnh tranh giữa các nhà tiêu thụ, giảm thiểu rất đáng kể sự chèn ép giá của tư thương.

Qua khảo sát các hộ gia đình trên địa bàn ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý cho thấy, các kênh tiêu thụ ở đây khá đơn giản, với 2 hình thức phổ biến đó là:

- Kênh I: Người sản xuất → Đại lý, cửa hàng → Người tiêu dùng
- Kênh II: Người sản xuất → Bán lẻ → Người tiêu dùng
- Kênh II: Người sản xuất → Bán lẻ → Người tiêu dùng

Có thể khái quát các hình thức tiêu thụ sản phẩm thông qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1: Hệ thống kênh tiêu thụ lúa nếp Vải của huyện Phú Lương

Sơ đồ 1 cho thấy, sản lượng lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương được bán chủ yếu trên địa bàn huyện và các địa phương lân cận. Trong đó, hình thức tiêu thụ chủ yếu là bán buôn cho thương lái, sau đó thương lái bán cho các đại lý, cửa hàng, sau đó đến tay người tiêu dùng (chiếm 58,60%). Phần còn lại, các hộ bán cho các đại lý, cửa hàng (chiếm 24,25%) và bán trực tiếp cho người tiêu dùng (chiếm 18,95%).

Nhằm quảng bá và giới thiệu sản phẩm rộng rãi tới người tiêu dùng, lúa nếp vải đã tham gia các hội chợ lớn, thường niên tại Hà Nội và Thái Nguyên. Những hoạt động thiết thực này góp phần đem hình ảnh và thông tin sản phẩm đến gần gũi với người tiêu dùng, tạo điều kiện liên kết hợp tác với các công ty, doanh nghiệp, mở rộng hợp tác

và tăng cường trao đổi kinh nghiệm, quảng bá thương hiệu sản phẩm, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Tại các hội chợ Thái Nguyên, sản phẩm lúa nếp Vải của Phú Lương đã nhận được đánh giá cao về chất lượng cũng như hình thức, mẫu mã sản phẩm. Người tiêu dùng đã có những phản ứng tích cực và ngày càng tin dùng sản phẩm.

Hiệu quả kinh tế sản xuất lúa nếp Vải

Chi phí sản xuất phản ánh kết quả đầu tư của các hộ gia đình cho hoạt động sản xuất. Đối với sản xuất lúa nếp Vải các khoản chi phí chủ yếu gồm: Giống, phân bón, thuốc BVTV, công lao động. Do tập quán canh tác và điều kiện kinh tế của từng hộ là khác nhau nên mức độ đầu tư cho sản xuất lúa nếp vải cũng có sự khác nhau giữa các hộ và giữa các xã.

Bảng 7: Chi phí cho sản xuất lúa nếp Vải của các hộ điều tra tính trung bình/1 sào

Đơn vị tính: Nghìn đồng/sào

Chỉ tiêu	Xã Hợp Thành	Xã Ôn Lương	Xã Phú Lý	Bình quân
1. Chi phí vật tư	614,20	614,10	614,80	614,37
Giống	48,00	48,00	48,00	48,00
Phân bón	402,40	403,60	403,50	403,17
Thuốc BVTV	163,80	162,50	163,30	163,20
2. Công lao động	638,10	636,40	639,60	638,03
3. Chi phí cố định	64,00	64,00	64,00	64,00
4. Tổng chi phí	1.316,30	1.314,50	1.318,40	1.316,40

Kết quả nghiên cứu bảng 7 cho thấy, chi phí bình quân của một hộ gia đình cho 1 sào (360 m²) sản xuất lúa nếp Vải là 1.316,40 nghìn đồng. Chi phí cho một sào sản xuất lúa nếp Vải có sự khác nhau giữa các địa phương. Chi phí cho 1 sào lúa nếp Vải tại xã Phú Lý cao nhất với 1.318,40 nghìn đồng, giá trị này tại xã Hợp Thành, xã Ôn Lương lần lượt là 1.316,30 nghìn đồng và 1.314,50 nghìn đồng.

Trong các nội dung chi phí, chi phí dành cho công lao động là lớn nhất, thực tế hiện nay tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, đa phần lao động trẻ tham gia các hoạt động công nghiệp, dịch vụ nên ngoài lao động gia đình, các hộ còn thuê thêm lao động nông nhân tại địa phương. Chi phí cho công lao động có sự tương đồng giữa ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý. Chi phí công lao động bình quân cho 1 sào lúa nếp Vải là 638,03 nghìn đồng.

Chi phí vật tư đầu vào gồm chi phí cho giống, phân bón, thuốc BVTV cũng chiếm tỉ lệ

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2024
lớn (chiếm 46,67%) trong tổng kinh phí đầu tư cho sản xuất lúa nếp Vải. Đối với các hộ sản xuất lúa nếp Vải, họ thường kết hợp chăn nuôi nên bên cạnh lượng phân hóa học phải mua có khả năng tự cung cấp một lượng nhất định phân hữu cơ. Đối với thuốc BVTV, các hộ trồng lúa nếp Vải phải mua 100%, khoản đầu tư cho thuốc BVTV có xu hướng tăng qua các năm do tình hình sâu bệnh ngày càng nhiều cùng với giá thuốc BVTV liên tục tăng.

Trước đây các hộ gia đình trên địa bàn huyện Phú Lương chủ yếu sản xuất lúa nếp Vải để phục vụ nhu cầu gia đình trong các dịp lễ tết nên bà con thường không quan tâm đến hiệu quả kinh tế của lúa nếp Vải. Tuy nhiên trong những năm gần đây, do chất lượng lúa nếp Vải tốt nên nhu cầu thị trường lớn, bà con đã chuyển từ sản xuất tự cung trong gia đình sang sản xuất hàng hóa vì vậy người dân rất quan tâm đến hiệu quả kinh tế mà cây lúa nếp vải mang lại.

Bảng 8: Hiệu quả kinh tế của các hộ điều tra theo vùng sản xuất tính bình quân/1 sào

Chỉ tiêu	ĐVT	Xã Hợp Thành	Xã Ôn Lương	Xã Phú Lý	Bình quân
1. Kết quả sản xuất					
Năng suất bình quân	Kg/sào	183,12	182,78	182,20	182,70
Giá trị sản xuất (GO)	Nghìn đồng	4.028,64	4.021,16	4.008,40	4.019,40
Chi phí trung gian (IC)	Nghìn đồng	614,20	614,10	614,80	614,37
Giá trị gia tăng (VA)	Nghìn đồng	3.414,44	3.407,06	3.393,60	3.405,03
Thu nhập hỗn hợp (MI)	Nghìn đồng	2.776,34	2.770,66	3.211,40	2.919,47
2. Hiệu quả kinh tế					
GO/IC	Lần	6,56	6,55	6,52	6,54
VA/IC	Lần	5,56	5,55	5,52	5,54
MI/IC	Lần	4,52	4,51	5,22	4,75

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2024

Kết quả nghiên cứu tại ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý cho thấy các hộ sản xuất lúa nếp Vải đã tận dụng được các nguồn lực sẵn có về đất đai, lao động, về tiền vốn và các loại vật tư thông dụng khác, mặt khác không có chi phí cho công tác quản lý điều hành nên thu nhập cao. Sản xuất lúa nếp Vải của hộ có mức sản lượng khác nhau ở các điểm điều tra khác nhau đạt được cao hay thấp phụ thuộc vào các yếu tố:

- Mức độ đầu tư (vật chất và công lao động).
- Phụ thuộc vào giá thóc nếp Vải tiêu thụ.
- Giá trị gia tăng đạt được thấp hay cao phụ thuộc vào chi phí trung gian.

Theo giá trị trường năm 2024, giá bán thóc nếp Vải đạt 22.000 đồng/kg. Giá trị sản xuất lúa

nếp Vải đạt bình quân 4.019,40 nghìn đồng/sào, giá trị này đạt cao nhất ở xã Hợp Thành với 4.028,64 nghìn đồng/sào, giá trị này ở xã Ôn Lương và xã Phú Lý lần lượt là 4.021,16 nghìn đồng và 4.008,40 nghìn đồng.

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế như GO/IC, VA/IC và MI/IC đã cho thấy hiệu quả đạt được trên một công lao động sản xuất lúa nếp Vải của cả 3 xã là lớn và khá đồng đều. Giá trị GO/IC đạt trung bình là 6,64 lần. Giá trị VA/IC đạt 5,54 lần và giá trị MI/IC đạt 4,75 lần.

Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với hoạt động sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Bảng 9: Phân tích SWOT sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Điểm mạnh 1. Lúa nếp Vải được trồng rất nhiều năm trên địa bàn ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý. 2. Hiệu quả kinh tế lúa nếp Vải mang lại ngày càng cao, cao hơn các giống lúa khác đang được trồng ở địa phương. 3. Người dân có kinh nghiệm trong canh tác lúa nếp Vải.	Điểm yếu 1. Sản lượng lúa nếp Vải còn ít do diện tích trồng, sản lượng không ổn định do yếu tố thời tiết bất thường 2. Khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật mới để tạo ra sản phẩm chất lượng cao còn hạn chế
Cơ hội 1. Nhu cầu sử dụng sản phẩm gạo chất lượng cao ngày càng lớn. 2. Diện tích đất nông nghiệp nói chung, diện tích đất trồng lúa nói riêng vẫn còn nhiều 3. Điều kiện tự nhiên (thời tiết, đất đai ...) của địa phương phù hợp với cây lúa nếp vải. 4. Xu thế thị trường mở rộng 5. Có chính sách vay vốn đầu tư để phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt phát triển nông nghiệp công nghệ cao. 6. Khoa học công nghệ phát triển -> Nâng cao giá trị sản xuất	Thách thức 1. Giá cả không ổn định, hiệu quả kinh tế phụ thuộc lớn vào giá thị trường bên ngoài. 2. Thị trường hàng hóa đa dạng, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng sản phẩm

Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Để đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên,

việc xác định được những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đây là căn cứ quan trọng để đưa ra những giải pháp pháp hiệu quả nhất.

Bảng 10: Những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Các yếu tố	Người dân đánh giá (n = 90)			Cán bộ đánh giá (n = 20)		
	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1. Thị trường tiêu thụ	97,78	2,22	0,00	100,00	0,00	0,00
2. Hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	90,00	8,89	1,11	90,00	10,00	0,00
3. Chính sách liên quan	93,33	5,56	1,11	95,00	5,00	0,00
4. Quy mô đất sản xuất	95,56	4,44	0,00	95,00	5,00	0,00
5. Khả năng đầu tư của chủ hộ	88,89	10,00	1,11	85,00	15,00	0,00
6. Cơ sở hạ tầng	86,67	12,22	1,11	85,00	15,00	0,00

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2024

Kết quả khảo sát thể hiện tại bảng 3.10 cho thấy: 100% cán bộ và 97,78% người dân được hỏi cho rằng thị trường tiêu thụ sản phẩm rất ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Thực tế cho thấy người nông dân hoàn toàn có thể sản xuất để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, họ có thể áp dụng những quy trình canh tác an toàn. Tuy nhiên, với những sản phẩm như vậy gói thành thường cao hơn so với sản phẩm thông thường nên người dân không bán được nên người dân lại quay về phương thức sản xuất truyền thống. Hiện nay, phần lớn sản phẩm gạo nếp Vải sản xuất ra được các hộ gia đình bán ra thị trường, do đó các hộ gia đình chỉ mở rộng diện tích, đầu tư thâm canh khi sản phẩm bán được.

Hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: Kết quả nghiên cứu cho thấy có 90,00% cán bộ và 90,00% người dân được hỏi cho rằng hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật rất ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải. Tình hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật được khuyến cáo trong canh tác lúa nếp Vải được các hộ thực hiện rất tốt, hầu hết các hộ được phỏng vấn đều thực hiện tốt việc gieo cấy, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh theo đúng quy trình và hướng dẫn của các cơ quan chức năng. Một điều đáng lưu ý là tại các hộ điều tra cho thấy mặc dù họ có biết hoặc có nghe về

biện pháp kỹ thuật phòng trừ dịch hại tổng hợp cho lúa nếp Vải tuy nhiên họ lại không áp dụng vào trong sản xuất lúa của gia đình. Nguyên nhân chính được đưa ra là do việc áp dụng theo đúng quy trình phòng trừ dịch hại tổng hợp mặc dù có hiệu quả cao trong phòng trừ dịch hại cho lúa, giảm chi phí sử dụng thuốc BVTV tuy nhiên lại làm tăng đáng kể công lao động của gia đình mà hộ khó có khả năng đáp ứng được. Một nguyên nhân khác quan khác đó là do điều kiện cần để áp dụng thành công biện pháp kỹ thuật này đòi hỏi sự tham gia của đông đảo người dân, phải thực hiện trong một thời gian dài và thường không có kết quả ngay tức thì do đó trong nhiều trường hợp người dân chọn giải pháp an toàn hơn đối với họ là sử dụng thuốc BVTV cho nhanh chóng để đạt hiệu quả hơn.

Chính sách liên quan: 95,00% cán bộ và 93,33% người dân được hỏi cho rằng chính sách của nhà nước rất ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải. Các chính sách của Nhà nước ban hành phù hợp với điều kiện của từng địa phương như hỗ trợ hình thành, liên kết vùng sản xuất, tín dụng, đất đai, xây dựng thương hiệu... đã có vai trò thúc đẩy sản xuất lúa nếp Vải và nâng cao giá trị sản xuất. Người dân sẵn sàng đầu tư, yên tâm sản xuất khi được Nhà nước định hướng, hỗ trợ.

Quy mô đất sản xuất: Để phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung, phát triển sản xuất lúa nếp nói riêng thì quy mô đất sản xuất có ảnh hưởng rất lớn. Quy mô ruộng đất lớn, tập trung với địa hình tương đối bằng phẳng là điều kiện tốt để phát triển sản xuất lúa nếp Vải theo hướng hàng hóa và ngược lại. Kết quả khảo sát cho thấy 95,56 % người dân được hỏi cho rằng quy mô đất sản xuất rất ảnh hưởng, 4,44% người dân được hỏi đánh giá ở mức ảnh hưởng. Tỷ lệ này khi phỏng vấn cán bộ lần lượt là 90,00% và 5,00%.

Khả năng đầu tư của chủ hộ: Nguồn vốn thể hiện khả năng đầu tư vào sản xuất của mỗi hộ gia đình. Yếu tố vốn đảm bảo khả năng đầu tư và đầu tư đúng thời điểm, đặc biệt với các thời điểm như bón phân, phòng trừ sâu bệnh có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả sản xuất. Sản xuất lúa nếp Vải có chi phí cao hơn so với sản xuất lúa thường. Kết quả khảo sát cho thấy, có 88,89% người dân và 85,00% cán bộ được hỏi khả năng đầu tư của chủ hộ rất ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải.

Cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất lúa nếp Vải, cơ sở hạ tầng có mối liên hệ trực tiếp với việc áp dụng cơ giới hoá, tiêu thụ sản phẩm. Do đó cần đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống đường nội đồng, cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi, 86,67% người dân và 85,00 % cán bộ được hỏi cho rằng cơ sở hạ tầng rất ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải.

3.3. Giải pháp phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm gạo nếp Vải

Xây dựng mối liên kết giữa 4 nhà, nhà khoa học, nhà nông, nhà doanh nghiệp và nhà nước trong sản xuất chế, biến và tiêu thụ gạo nếp Vải. Thực hiện tốt các mối liên kết trên sẽ thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ gạo nếp Vải cho nông dân. Định hướng thị trường đầu ra và cung cấp thông tin thị trường cần thiết cho người nông dân. Cơ quan khuyến nông là nơi có thể tiếp cận nhiều nguồn thông tin tốt hơn người sản xuất và có thể tạo ra mối liên kết bốn nhà trong tiêu thụ sản phẩm gạo nếp Vải cho người dân, do đó hỗ trợ người sản

xuất trong tìm kiếm thị trường đầu ra sẽ góp phần nâng cao tính khả thi và tiềm năng phát triển sản xuất lúa nếp Vải.

Nâng cao chất lượng sản phẩm và mẫu mã gạo nếp Vải. Kỹ thuật thu hoạch và phơi khô tốt giúp tiêu thụ sản phẩm tốt hơn. Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm cho gạo nếp Vải. Áp dụng quy trình chuẩn từ khâu chọn giống, gieo trồng, thu hoạch, bảo quản nhằm đem lại sản phẩm đảm bảo chất lượng có thể đáp ứng được yêu cầu của những thị trường khó tính.

Tăng cường công tác khuyến nông

Quan tâm sát sao đến việc nâng cao kiến thức của người dân về sản xuất lúa nếp Vải thông qua các hoạt động tập huấn, tuyên truyền. Phân công rõ trách nhiệm của cán bộ phụ trách khuyến nông, cụ thể hóa công việc của từng cán bộ, tránh tình trạng ỷ lại, thiếu trách nhiệm với công việc. Đồng thời, tạo sự gắn kết và gắn gũi giữa cán bộ khuyến nông và người sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất trao đổi thông tin, giải quyết các thắc mắc khi cần.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện khuyến nông. Cán bộ khuyến nông thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra, giám sát đánh giá tiến độ thực hiện các khâu kỹ thuật của người nông dân. Luôn theo dõi sát sao thực tế sản xuất nhằm hỗ trợ, xử lý kịp thời khi có vấn đề phát sinh.

Chỉ đạo, xây dựng tốt lịch thời vụ. Đảm bảo người dân tiến hành sản xuất đúng thời gian, đồng bộ. Đồng thời, trong quá trình sản xuất cũng cần thực hiện các khâu kỹ thuật đúng theo yêu cầu, đúng thời điểm, đúng liều lượng.

Có chính sách đảm bảo lợi ích và khuyến khích đội ngũ khuyến nông viên tham gia vào quá trình phát triển sản xuất lúa nếp Vải.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về chi phí giống, phân bón, kỹ thuật cần triển khai nhằm phát triển sản xuất và ngày càng nhiều hộ tham gia sản xuất lúa nếp Vải.

Đảm bảo chính sách hỗ trợ của UBND huyện cần kịp thời hơn, đáp ứng đúng lịch thời vụ.

Tăng cường tuyên truyền, thông báo rộng rãi và sớm về các chính sách hỗ trợ để các xã nắm bắt và đăng ký sớm, nhận được hỗ trợ kịp thời vụ.

Xây dựng ruộng điểm có sức thuyết phục, tổ chức tham quan để các hộ khác tham khảo, học hỏi áp dụng.

Quy hoạch vùng sản xuất

Lồng ghép quy hoạch vùng sản xuất lúa nếp Vải trong quy hoạch sản xuất nông thôn mới, bám sát với quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp mới được UBND huyện phê duyệt. Đặc biệt, cần quan tâm tới việc đưa diện tích đất lúa, đảm bảo điều kiện tưới tiêu chủ động để sản xuất lúa nếp Vải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích sản xuất lúa nếp Vải của địa phương.

Quy hoạch vùng sản xuất lúa nếp Vải dựa trên điều kiện sản xuất của từng địa phương và tập quán, thói quen sản xuất của người dân. Kế hoạch sản xuất hàng năm cần cụ thể, công bố sớm và phổ biến rộng rãi cho người sản xuất nắm rõ.

Bên cạnh việc quy hoạch, công bố quy hoạch rộng rãi thì UBND cấp huyện và UBND cấp xã cần theo dõi, quản lý việc thực hiện quy hoạch. Nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo quy hoạch, vừa phát triển phù hợp với lợi thế sản xuất vừa ổn định nguồn cung sản phẩm ổn định.

Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất

Cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện Phú Lương còn nhiều khó khăn. Các cấp các ngành địa phương cùng với người dân tập trung huy động vốn để đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình phục vụ cho sản xuất.

Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn nhằm tưới tiêu chủ động cho diện tích sản xuất lúa nếp Vải nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất lúa nếp Vải.

Hoàn thiện cứng hóa hệ thống đường giao thông nội đồng, phục vụ tốt cho quá trình sản xuất, thu hoạch và vận chuyển lúa nếp Vải.

4. Kết luận

Lúa nếp Vải là giống lúa truyền thống, bản địa của huyện Phú Lương. Giống lúa nếp Vải được trồng tại ba xã Hợp Thành, Ôn Lương, Phú Lý do sự phù hợp về chất đất và tiểu khí hậu của

khu vực. Là một huyện thuần nông nên các cấp chính quyền huyện Phú Lương dành sự quan tâm rất lớn cho sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nếp Vải nói riêng bằng những chính sách cũng như các hoạt động cụ thể. Mặc dù trên địa bàn huyện đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa nhưng lao động của huyện Phú Lương vẫn dồi dào, đủ để thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất lúa nếp Vải.

Trong giai đoạn 2022 - 2024, sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương liên tục tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 2022, diện tích, năng suất và sản lượng của nếp Vải của huyện Phú Lương chỉ đạt 96,1 ha; 47,22 tạ/ha và 453,78 tấn, đến năm 2024, các chỉ tiêu này lần lượt tăng lên và đạt 121,3 ha; 50,00 tạ/ha; 606,50 tấn. Diện tích sản xuất lúa nếp Vải/hộ có sự khác nhau phân theo thành phần kinh tế. Thị trường tiêu thụ gạo nếp Vải chủ yếu trên địa bàn tỉnh, gạo nếp Vải được tiêu thụ theo ba kênh chính, trong đó gạo nếp Vải được bán buôn cho các thương lái, đại lý, cửa hàng chiếm 81,05%. Giá trị sản xuất lúa nếp Vải đạt bình quân 4.019,40 nghìn đồng/sào. Giá trị GO/IC đạt trung bình là 6,64 lần. Giá trị VA/IC đạt 5,54 lần và giá trị MI/IC đạt 4,75 lần.

Nghiên cứu đã chỉ ra được các yếu tố, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương. Các yếu tố có ảnh hưởng lớn như thị trường tiêu thụ, hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chính sách liên quan của nhà nước, quy mô đất sản xuất, khả năng đầu tư của chủ hộ, cơ sở hạ tầng. Trên cơ sở phân tích thực trạng sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn nghiên cứu, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa nếp Vải trên địa bàn huyện Phú Lương, các giải pháp gồm phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm gạo nếp Vải, tăng cường công tác khuyến nông, thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, quy hoạch vùng sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2021). *Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030*
- Bùi Bá Bổng. (2015). *Câu chuyện lúa thơm*.
<http://www.vietnamseed.com.vn/xem-tin-tuc/cau-chuyen-lua-thom.html>
- Chi cục Thống kê huyện Phú Lương. (2021). *Niên giám thống kê huyện Phú Lương năm 2022, 2023*.

- Ngô Thị Hương Giang và cộng sự. (2014). Phát triển thương hiệu - giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho gạo nếp vải của huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên.
- Chu Quế Hiền. (2014). Đánh giá hiệu quả giống lúa nếp vải tại xã Ôn Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. *Luận văn tốt nghiệp Đại học*, Trường ĐH Nông lâm Thái Nguyên.
- Hoàng Thị Thu Hương & Nguyễn Đức Nhuận. (2016). *Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân hạng thích nghi đất đai phục vụ quy hoạch diện tích đất trồng lúa nếp địa phương trên địa bàn xã Ôn Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên*. Đề tài tốt nghiệp Đại học, Trường ĐH Nông lâm Thái Nguyên.
- Linh Lan. (2022). *Nếp vải - hương trời, vị đất của Ôn Lương*. <https://baothainguyen.vn/multimedia/emagazine/202211/nep-vai-huong-troi-vi-dat-cua-on-luong-f480efa/>
- Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện Phú Lương. (2021). *Báo cáo đánh giá kết quả sản xuất nông nghiệp năm 2022, 2023, 2024*.
- Nguyễn Thị Thắng và Phạm Công Toàn. (2013). Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo nếp Vải huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. *Luận văn Thạc sỹ kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.
- Minh Tuấn. (2012). *Gạo một bụi đỏ Hồng Dân: Đặc sản của vùng đất phèn*. <https://thanhnien.vn/ngot-thom-gao-mot-bui-do-hong-dan-post271801.html>
- Nguyễn Toán. (2022). *Chọn lọc, phục tráng đặc sản nếp vải Ôn Lương*. <https://nongnghiep.vn/chon-loc-phuc-trang-dac-san-nep-vai-on-luong-d336875.html>
- UBND huyện Phú Lương (2021). *Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp và chương trình xây dựng NTM năm 2022*.

Thông tin tác giả:

1. Dương Thị Thu Hoài

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên
- Địa chỉ email: duongthithuhoai@tuaf.edu.vn

2. Nguyễn Văn Tâm

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

3. Ngô Thị Hồng Liên

- Đơn vị công tác: Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông huyện Phú Lương

4. Bùi Ngọc Sơn

- Đơn vị công tác: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Ngày nhận bài: 19/01/2024

Ngày nhận bản sửa: 15/02/2025

Ngày duyệt đăng: 25/03/2025